ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 40 /2020/QĐ-UBND	*Bắc Giang, ngày 27 tháng 11 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ;

Căn cứ Nghị định số 70/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định việc quản lý, sử dụng tài sản được hình thành thông qua việc triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng vốn nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 05/2014-TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành "Mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ";

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 14/2014/TT-BKHCN ngày 11 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ Quy định về việc thu thập, đăng ký, lưu giữ và công bố thông tin về nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Căn cứ Thông tư số 04/2015/TT-BKHCN ngày 01 tháng 3 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc kiểm tra, đánh giá, điều chỉnh và chấm dứt hợp đồng trong quá trình thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 03/2017/TT-BKHCN ngày 03 tháng 4 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 07/2014/TT-BKHCN

ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 27/2015/TTLT-BKHCN-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2015 của liên Bộ Khoa học và Công nghệ - Bộ Tài chính Quy định khoán chi thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 1049/TTr-KHCN ngày 24 tháng 11 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 10 tháng 12 năm 2020 và thay thế Quyết định số 337/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc ban hành Quy định quản lý tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang và Quyết định số 09/2019/QĐ-UBND ngày 17/5/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định quản lý tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang ban hành kèm theo Quyết định số 337/2016/QĐ-UBND ngày 15/6/2016 của UBND tỉnh Bắc Giang.

Điều 3. Giám đốc Sở, Thủ trưởng các cơ quan thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Như Điều 3;
- Vụ Pháp chế, Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL, Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy; TT HĐND tỉnh;
- Chủ tịch và các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban MTTQ và các tổ chức CT-XH tỉnh;
- Văn phòng Đoàn ĐBQH tỉnh; HĐND tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: LĐVP, TH, TTTT;
- Lưu: VT, KGVX.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ánh Dương

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẮC GIANG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang

(Ban hành kèm theo Quyết định số /2020/QĐ-UBND ngày tháng năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Giang)

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về quản lý và tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước tỉnh Bắc Giang, bao gồm: nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh; nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ và cơ quan có thẩm quyền phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ các cấp tại địa phương có sử dụng ngân sách nhà nước; các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Điều 3. Căn cứ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Các chủ trương, định hướng, yêu cầu của Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

3. Những vấn đề khoa học và công nghệ quan trọng nhằm giải quyết yêu cầu cấp thiết của tỉnh về quốc phòng, an ninh, thiên tai, dịch bệnh và phát triển kinh tế - xã hội.

4. Các chương trình hợp tác trong nước và quốc tế.

5. Không trùng lặp với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước đã và đang thực hiện tại tỉnh.

Chương II
QUY ĐỊNH CỤ THỂ
MỤC 1
QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP TỈNH

Điều 4. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định kỳ hàng năm, Sở Khoa học và Công nghệ thông báo định hướng hoạt động nghiên cứu - ứng dụng trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ hoặc

trên Báo Bắc Giang; gửi văn bản đến các sở, ban, ngành, các huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho năm sau.

2. Kể từ ngày thông báo, các tổ chức, cá nhân; các sở, ban, ngành và các huyện, thành phố gửi đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ đặt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để tiếp nhận, tổng hợp.

3. Kể từ ngày kết thúc nhận phiếu đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, đánh giá sơ bộ về tính đầy đủ và cấp thiết của đề xuất đặt hàng, hoặc xin ý kiến ngành, huyện có liên quan về sự cần thiết thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, tổng hợp đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ báo cáo Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh.

4. Trên cơ sở kết quả xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Hội đồng khoa học và công nghệ tỉnh, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Một Hội đồng có thể tư vấn cho một số đề xuất đặt hàng trong cùng một lĩnh vực hoặc chuyên ngành khoa học và công nghệ.

Điều 5. Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thành phần Hội đồng

a) Hội đồng có từ 07 đến 09 thành viên, gồm chủ tịch, phó chủ tịch và các ủy viên khác. Chủ tịch Hội đồng hoặc phó chủ tịch Hội đồng là chuyên gia khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực nghiên cứu hoặc là lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, uỷ viên thư ký khoa học thuộc phòng chuyên môn của Sở Khoa học và Công nghệ.

Cơ cấu Hội đồng gồm: 05-06 thành viên là các chuyên gia khoa học và công nghệ; 02-03 thành viên thuộc cơ quan quản lý nhà nước, doanh nghiệp và các tổ chức khác có liên quan.

b) Trường hợp đặc biệt do tính chất phức tạp hoặc yêu cầu đặc thù của đề xuất đặt hàng, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ có thể quyết định số lượng thành viên và thành phần Hội đồng khác với quy định tại điểm a, Khoản 1 Điều này.

2. Phương thức làm việc, trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng thực hiện theo hướng dẫn các Điều: 18, 19, 20, 21, 22 Thông tư số 07/2014/TT- BKHCN ngày 26 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định trình tự, thủ tục xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 6. Phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kể từ ngày có kết quả làm việc của các Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ, Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp kết quả thành danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

2. Kể từ ngày danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ được phê duyệt, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm công bố danh mục nhiệm vụ khoa học và

công nghệ trên Cổng thông tin điện tử của Sở Khoa học và Công nghệ, gửi văn bản đến các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 7. Điều kiện tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức, cá nhân tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp chủ trì thực hiện nhiệm vụ cấp tỉnh phải đáp ứng các quy định tại Điều 4 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN ngày 26 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức và cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước (Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN).

Điều 8. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Đơn đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

2. Thuyết minh nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

3. Tóm tắt hoạt động khoa học và công nghệ của tổ chức đăng ký chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

4. Lý lịch khoa học của cá nhân đăng ký chủ nhiệm và các thành viên, thư ký khoa học thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

5. Lý lịch khoa học của chuyên gia trong nước, chuyên gia nước ngoài kèm theo giấy xác nhận về mức lương chuyên gia (trường hợp có thuê chuyên gia);

6. Văn bản xác nhận của các tổ chức phối hợp thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có);

7. Văn bản chứng minh về nhân lực khoa học và công nghệ, trang thiết bị của đơn vị phối hợp chính và khả năng huy động vốn từ nguồn khác để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trường hợp có đơn vị phối hợp, huy động vốn từ nguồn khác);

8. Báo giá thiết bị, nguyên vật liệu chính cần mua sắm, thuê để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 9. Nộp hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Hồ sơ đăng ký tham gia tuyển chọn, giao trực tiếp gồm 09 bộ (01 bộ gốc, 08 bộ sao) được đóng gói có niêm phong bên ngoài ghi rõ:

a) Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

b) Tên, địa chỉ, điện thoại của tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ;

c) Danh mục tài liệu có trong hồ sơ.

2. Kể từ ngày Sở Khoa học và Công nghệ thông báo, tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn nộp hồ sơ đến Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ. Đối với hồ sơ được giao trực tiếp nộp tại Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 10. Mở và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ tham gia tuyển chọn nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kể từ khi kết thúc thời hạn nhận hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức mở hồ sơ.

2. Thành phần tham dự mở hồ sơ gồm: đại diện lãnh đạo Sở và một số phòng, đơn vị thuộc Sở Khoa học và Công nghệ; đại diện tổ chức, cá nhân đăng ký tham gia tuyển chọn.

3. Kết quả mở hồ sơ tuyển chọn được lập thành biên bản.

4. Kể từ ngày kết thúc mở, kiểm tra và xác nhận tính hợp lệ của hồ sơ, Sở Khoa học và Công nghệ trả thông báo cho tổ chức nộp hồ sơ đối với hồ sơ không hợp lệ qua Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 11. Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp.

2. Thành phần hội đồng

a) Thành phần Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp theo Khoản 1, Điều 5 tại Quy định này.

b) Các thành viên đã tham gia Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

3. Nguyên tắc, trình tự, nội dung, tiêu chí và thang điểm đánh giá thực hiện theo quy định tại các Điều: 10, 11, 12 Thông tư số 08/2017/TT-BKHCN.

Điều 12. Thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trên cơ sở biên bản họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ, các tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ hoàn thiện thuyết minh, dự toán kinh phí và bản xác nhận của Chủ tịch Hội đồng hoàn thiện hồ sơ đánh giá theo kết luận của Hội đồng gửi Sở Khoa học và Công nghệ.

2. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Tổ thẩm định kinh phí (sau đây gọi là Tổ thẩm định).

3. Tổ thẩm định có 05 (năm) thành viên, trong đó: Tổ trưởng Tổ thẩm định là Lãnh đạo Sở Khoa học và Công nghệ, các thành viên gồm: Đại diện cán bộ chuyên quản Văn phòng UBND tỉnh, Sở Tài chính, bộ phận tham mưu tài chính, quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

4. Phiên họp của Tổ thẩm định phải có mặt ít nhất 04/05 số thành viên (trong đó có Tổ trưởng). Tổ thẩm định có trách nhiệm thẩm định sự phù hợp dự toán kinh phí đối với nội dung nhiệm vụ theo quy định hiện hành của nhà nước; phương thức khoán chi đến sản phẩm cuối cùng hoặc khoán chi từng phần. Đối với các nhiệm

vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phức tạp, đặc thù, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định số lượng thành viên và thành phần Tổ thẩm định.

5. Tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ được mời tham dự tại cuộc họp của Tổ thẩm định để trình bày những nội dung đã bổ sung, chỉnh sửa theo kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và giải trình câu hỏi của thành viên Tổ thẩm định (nếu có) và không tiếp tục tham dự phiên họp của Tổ thẩm định. Trong trường hợp cần thiết, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ vẫn tiếp tục tham dự phiên họp, Tổ trưởng Tổ thẩm định xin ý kiến các thành viên quyết định.

6. Thư ký hành chính thuộc bộ phận quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ Sở Khoa học và Công nghệ giúp Tổ thẩm định hoàn thiện biên bản thẩm định.

Điều 13. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Trên cơ sở biên bản kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp, Tổ thẩm định kinh phí, Sở Khoa học và Công nghệ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ, bao gồm: loại hình nhiệm vụ, tên nhiệm vụ, tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm, mục tiêu, nội dung, sản phẩm, thời gian và kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ thông báo kết quả phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên Cổng thông tin điện tử Sở Khoa học và Công nghệ.

Điều 14. Ký hợp đồng triển khai nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Khoa học và Công nghệ ký hợp đồng với các tổ chức chủ trì, cá nhân chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Hợp đồng theo mẫu quy định tại Thông tư số 05/2014/TT-BKHCN ngày 10 tháng 4 năm 2014 của Bộ Khoa học và Công nghệ ban hành mẫu hợp đồng nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ.

Điều 15. Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các cơ quan chức năng có trách nhiệm kiểm tra định kỳ (6 tháng/lần) hoặc kiểm tra theo tiến độ, kiểm tra đột xuất để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ về nội dung, tiến độ, tình hình sử dụng kinh phí. Kết quả kiểm tra được thể hiện bằng biên bản.

2. Tổ chức chủ trì, chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ bằng văn bản theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Căn cứ kết quả kiểm tra, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét cấp tiếp kinh phí hoặc thông báo dừng thực hiện và đề xuất biện pháp xử lý vi phạm (nếu có).

Điều 16. Điều chỉnh phát sinh, đình chỉ trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định điều chỉnh về tổ chức chủ trì, tên, mục tiêu, địa điểm, sản phẩm, tổng kinh phí hỗ trợ tăng thêm từ ngân sách nhà

nước đã được phê duyệt trên cơ sở văn bản đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ và đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Sở Khoa học và Công nghệ điều chỉnh các nội dung khác trên cơ sở đề xuất của tổ chức, cá nhân chủ trì, trừ các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều này.

3. Việc điều chỉnh gia hạn thời gian thực hiện mỗi nhiệm vụ khoa học và công nghệ tối đa không quá 6 tháng và chỉ được gia hạn một lần. Việc gia hạn chỉ được xem xét trước khi kết thúc hợp đồng ít nhất 01 tháng. Việc rút ngắn thời gian thực hiện chỉ được xem xét khi đã hoàn thành được ít nhất 2/3 nội dung của nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Trường hợp đặc biệt Sở Khoa học trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

4. Tổ chức chủ trì được chủ động điều chỉnh dự toán kinh phí giữa các nội dung chi, phần kinh phí được giao khoán (nếu có).

5. Các văn bản có liên quan đến việc điều chỉnh là một bộ phận của hợp đồng.

6. Trong quá trình thực hiện, trường hợp nhiệm vụ khoa học và công nghệ có văn bản của cơ quan chủ trì hoặc cơ quan có thẩm quyền dừng thực hiện, Sở Khoa học và Công nghệ đình chỉ thực hiện hợp đồng và chấm dứt hợp đồng. Việc chấm dứt hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo các quy định hiện hành và theo văn bản hướng dẫn của Bộ Khoa học và Công nghệ.

7. Trường hợp cần thiết đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm là các mô hình, thiết bị cụ thể, sản phẩm đo đếm được, Sở Khoa học và Công nghệ tổ chức lấy ý kiến tư vấn của các nhà khoa học, chuyên gia quản lý đánh giá hồ sơ trước khi ra quyết định chấm dứt hợp đồng và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định đình chỉ nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 17. Tự đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm tổ chức Hội đồng tự đánh giá kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ trước khi nộp hồ sơ đánh giá, nghiệm thu cấp tỉnh. Nội dung đánh giá, kết quả đánh giá theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ. Kết quả họp Hội đồng tự đánh giá được lập thành Biên bản.

Điều 18. Đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Sau khi kết thúc thời gian thực hiện, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ phải giao nộp đầy đủ sản phẩm, hồ sơ hợp lệ cho Sở Khoa học và Công nghệ để tổ chức nghiệm thu.

2. Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định thành lập Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Sau khi được Hội đồng đánh giá ở mức "Đạt" trở lên, tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm bổ sung hoàn thiện hồ sơ và bản xác nhận của chủ tịch Hội đồng hoàn thiện hồ sơ đánh giá theo kết luận của Hội đồng. Nộp hồ sơ và đăng ký, lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ

tại Bộ phận một cửa của Sở Khoa học và Công nghệ đặt tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh.

4. Giám đốc Sở Khoa học và Công nghệ quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

5. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sản phẩm cần đăng ký bản quyền tác giả, Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với chủ nhiệm nhiệm vụ khoa học và công nghệ đăng ký theo quy định của Luật Sở hữu trí tuệ.

Điều 19. Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Hồ sơ đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định tại Điều 6 Thông tư số 11/2014/TT-BKH&CN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 20. Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thành phần hội đồng như Khoản 1, Điều 5 của Quy định này.

Các thành viên Hội đồng đã tham gia Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ được ưu tiên mời tham gia Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ tương ứng.

2. Phiên họp, yêu cầu, nội dung, phương pháp đánh giá và xếp loại thực hiện theo quy định tại các Điều: 10, 11, 12, 13 Thông tư số 11/2014/TT-BKHCN ngày 30 tháng 5 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ quy định việc đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước.

Điều 21. Thanh toán và quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh toán theo hợp đồng đã ký với tổ chức, cá nhân chủ trì thực hiện.

2. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ được nghiệm thu với kết quả xếp loại "Đạt" trở lên được thanh toán kinh phí theo hợp đồng đã ký. Trường hợp "Không đạt", Sở Khoa học và Công nghệ phối hợp với các đơn vị có liên quan xác định số kinh phí phải hoàn trả ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành và trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

3. Sở Khoa học và Công nghệ thanh lý hợp đồng sau khi các sản phẩm của nhiệm vụ khoa học và công nghệ và tài sản đã mua sắm bằng ngân sách nhà nước được kiểm kê, bàn giao, xử lý theo quy định hiện hành.

4. Quyết toán kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thực hiện theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ và các văn bản quy định có liên quan.

MỤC 2

QUẢN LÝ NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CẤP CƠ SỞ

Điều 22. Xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Định kỳ hàng năm, hoặc cấp thiết sở, ban, ngành, huyện, thành phố thông báo bằng văn bản cho các tổ chức, cá nhân đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ, gửi đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc các sở, ban, ngành, huyện, thành phố để tổng hợp đề xuất nhiệm vụ khoa học và công nghệ cho năm sau.

2. Đơn vị quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc sở, ban, ngành, huyện, thành phố tổng hợp danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ do các tổ chức, cá nhân đề xuất trình Thủ trưởng sở, ban, ngành, huyện, thành phố (gọi tắt là Thủ trưởng cơ sở) xem xét lựa chọn danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ với các tiêu chí: tính cấp thiết, tính mới, tính khả thi, khả năng ứng dụng, kinh phí và nguồn kinh phí thực hiện.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh, gửi hồ sơ đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Sở Khoa học và Công nghệ để xem xét lựa chọn danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo Khoản 2, Điều này.

Điều 23. Hội đồng tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thủ trưởng cơ sở quyết định thành lập Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp; Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

2. Thành phần Hội đồng: có từ 05 đến 07 thành viên, gồm: Chủ tịch, ủy viên phản biện và các ủy viên khác. Thành viên là các chuyên gia, nhà quản lý có trình độ chuyên môn phù hợp, có kinh nghiệm trong lĩnh vực nghiên cứu.

3. Phương thức, trình tự, nội dung làm việc của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Khoản 2, Điều 5; Nguyên tắc, trình tự, nội dung, tiêu chí và thang điểm đánh giá của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Khoản 3, Điều 11; Phiên họp, yêu cầu, nội dung, phương pháp đánh giá và xếp loại của Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện tại Khoản 2, Điều 20 của Quy định này.

Điều 24. Thẩm đinh, phê duyệt kinh phí, ký hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Tổ thẩm định kinh phí do Thủ trưởng cơ sở quyết định nhưng không quá 05 thành viên, trong đó: Tổ trưởng tổ thẩm định là đại diện lãnh đạo đơn vị, thành viên là bộ phận quản lý tài chính, quản lý nhiệm vụ và thành viên khác theo quyết định của Thủ trưởng cơ sở.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ có trách nhiệm hoàn chỉnh hồ sơ nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo kết luận của Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp và kết quả của Tổ thẩm định kinh phí, trình Thủ trưởng cơ sở phê duyệt kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh, Ủy ban nhân dân tỉnh ủy quyền Sở Khoa học và Công nghệ phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có mức kinh phí hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng cho 01 nhiệm vụ.

4. Thủ trưởng cơ sở ký hợp đồng với tổ chức chủ trì nhiệm vụ theo quy định.

Điều 25. Kiểm tra, điều chỉnh phát sinh, đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Thủ trưởng cơ sở có trách nhiệm kiểm tra định kỳ (6 tháng/lần) hoặc kiểm tra theo tiến độ, kiểm tra đột xuất đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ. Kết quả kiểm tra được thể hiện bằng biên bản.

2. Căn cứ kết quả kiểm tra, Thủ trưởng cơ sở xem xét cấp tiếp kinh phí hoặc thông báo dừng thực hiện và đề xuất biện pháp xử lý vi phạm (nếu có).

3. Thủ trưởng cơ sở xem xét, quyết định điều chỉnh phát sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên cơ sở văn bản đề nghị của cơ quan chủ trì nhiệm vụ. Việc điều chỉnh không làm thay đổi mục tiêu của nhiệm vụ.

4. Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh, Sở Khoa học và Công nghệ xem xét, quyết định điều chỉnh phát sinh kinh phí tăng thêm theo thẩm quyền, trên cơ sở văn bản đề nghị của Thủ trưởng cơ sở.

5. Trong quá trình triển khai thực hiện, nhiệm vụ khoa học và công nghệ không có khả năng hoàn thành mục tiêu đã được phê duyệt; tổ chức chủ trì sử dụng kinh phí được cấp không đúng mục đích hoặc vì lí do bất khả kháng, Thủ trưởng cơ sở quyết định đình chỉ thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

Điều 26. Đăng ký và lưu giữ, công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sau khi được Hội đồng tư vấn đánh giá ở mức "Đạt" trở lên, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ được thanh toán kinh phí theo hợp đồng đã ký.

2. Tổ chức chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ nộp hồ sơ đăng ký và lưu giữ kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Thủ trưởng cơ sở quyết định công nhận kết quả, thanh lý hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định hiện hành.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 27. Trách nhiệm Sở Khoa học và Công nghệ

1. Tổng hợp, xây dựng dự toán ngân sách thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh hàng năm.

2. Hướng dẫn các sở, ban, ngành, huyện, thành phố, các tổ chức, cá nhân đề xuất đặt hàng nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.

3. Xây dựng và thông báo định hướng hoạt động nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

4. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt danh mục nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh.

5. Thành lập và tổ chức các Hội đồng tư vấn nhiệm vụ khoa học và công nghệ: Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ; Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp; Hội đồng tư vấn đánh giá, nghiệm thu; Tổ thẩm định kinh phí nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

6. Trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách sự nghiệp khoa học và công nghệ tỉnh (trừ Khoản 7 Điều này).

7. Phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở có mức kinh phí hỗ trợ tối đa 100 triệu đồng cho 01 nhiệm vụ.

8. Ký hợp đồng, thanh lý hợp đồng nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

9. Quyết định công nhận kết quả nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

10. Cụ thể hóa các biểu mẫu và hướng dẫn nghiệp vụ của Bộ Khoa học và Công nghệ để tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ và hướng dẫn các tổ chức, cá nhân áp dụng.

11. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy định này và Luật Khoa học và Công nghệ, các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 28. Trách nhiệm Thủ trưởng cơ sở

1. Xây dựng và thông báo định hướng hoạt động nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở hàng năm.

2. Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo hướng dẫn của Sở Khoa học và Công nghệ.

3. Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc lĩnh vực hoặc địa bàn quản lý.

4. Tổ chức ứng dụng, nhân rộng hoặc tham gia triển khai ứng dụng kết quả nghiên cứu, báo cáo tổng hợp kết quả ứng dụng nhiệm vụ khoa học và công nghệ về Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp.

5. Đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ tại Trung tâm Ứng dụng Khoa học và Công nghệ thuộc Sở Khoa học và Công nghệ.

6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy định này và Luật Khoa học và Công nghệ, các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 29. Trách nhiệm tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ

1. Chỉ đạo, đôn đốc thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; chịu trách nhiệm thực hiện các điều, khoản trong hợp đồng đã ký; quản lý, sử dụng kinh phí đúng mục đích, đúng quy định.

2. Tạo điều kiện thuận lợi về thời gian, cơ sở vật chất kỹ thuật, tài chính cần thiết để thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

3. Thực hiện thông báo nội dung triển khai; xét chọn, tuyển chọn; chế độ báo cáo; giao nộp sản phẩm; báo cáo kết quả, đăng ký và lưu giữ kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ theo quy định. Trong quá trình triển khai thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ, nếu có những thay đổi, kịp thời báo cáo bằng văn bản theo quy định.

4. Chủ trì trong trường hợp được Ủy ban nhân dân tỉnh giao thực hiện việc ứng dụng, nhân rộng hoặc bàn giao cho cơ quan, đơn vị được Ủy ban nhân dân tỉnh giao trách nhiệm tiếp nhận để tổ chức ứng dụng, nhân rộng kết quả vào thực tiễn sau khi nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được nghiệm thu.

5. Chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

6. Thực hiện các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định tại Quy định này và Luật Khoa học và Công nghệ, các văn bản hướng dẫn khác có liên quan.

Điều 30. Điều khoản thi hành

1. Các sở, ban, ngành; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; các tổ chức, cá nhân liên quan áp dụng Quy định này để quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng ngân sách nhà nước thuộc phạm vi quản lý của đơn vị mình.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vấn đề cần bổ sung, sửa đổi, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm tổng hợp, báo cáo trình Ủy ban nhân dân tỉnh tỉnh xem xét, quyết định./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Lê Ánh Dương